

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
Trụ sở: Số 8 đường Biên Cương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại: 056 3522 166 - Fax: 056 3522 316

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 03, ngõ 1295, đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Tel: (84 4) 39745082 Fax: (84 4) 39745083

Hà Nội, tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán	5 – 6
3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014</i>	7 - 8
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014</i>	9
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2014</i>	10
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014</i>	11 - 34
	<i>Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm TCSD hữu hình</i>	35
	<i>Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu</i>	36
	<i>Phụ lục 03 - Bảng xác định lợi ích cổ đông thiểu số</i>	37
	<i>Phụ lục 04 - Vay ngắn hạn</i>	38-39
	<i>Phụ lục 05 - Vay dài hạn</i>	40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là “Công ty” đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|-----------------------|--------------|
| • Ông Nguyễn Lương Am | Chủ tịch |
| • Ông Nguyễn Văn Tôn | Phó Chủ tịch |
| • Ông Lê Văn Đồng | Ủy viên |
| • Ông Đinh Tấn Dương | Ủy viên |
| • Ông Phạm Văn Nho | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| • Ông Nguyễn Lương Am | Tổng Giám đốc |
| • Ông Vũ Xuân Chính | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Lê Văn Đồng | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Đinh Tấn Dương | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Đức Thái | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Văn Tôn | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Dương Minh Quang | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Phạm Văn Nho | Kế toán trưởng |

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là “Công ty”, tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 13 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 13 vào ngày 04/8/2014 với số mới là 4100258747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **96.000.000.000 đ (Chín mươi sáu tỷ đồng chẵn).**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Quy Nhơn
Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 522316

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
đính kèm BCTC cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng; Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu; Đại tu xe, máy thi công; Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát; Đại lý dịch vụ internet; Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác; Đại lý thu đổi ngoại tệ; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Tổ chức hội nghị hội thảo; Dịch vụ quảng cáo. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, Tư vấn du học. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Cho thuê ô tô; Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Hoạt động dạy nghề; Kinh doanh và cho thuê bất động sản; Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Các đơn vị thành viên của Công ty như sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty con: Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ	Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 76,35%.	
Công ty con: Công ty CP thủy điện Văn Phong	Số 8, đường Biên Cương, P.Ngô
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 64,69%	Mây, TP.Quy Nhơn tỉnh Bình Định

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này từ trang 06 đến trang 40.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính :

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/12/2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

đính kèm BCTC cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính ;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hủy dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuận;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47



NGUYỄN LƯƠNG AM

Tổng Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 31 tháng 01 năm 2015



Số: 18 /2015/BCKT/BCTC - CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần xây dựng 47 được lập ngày 31/01/2015, từ trang 07 đến trang 40 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần xây dựng 47 tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Tổng Giám đốc

NGUYỄN NGỌC TÌNH

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 0132-2013-016-1*

Kiểm toán viên

LÊ VĂN TUẤN

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 1695-2013-016-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,491,649,193,813	1,346,326,021,722
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		112,523,964,469	120,666,617,250
1	Tiền	111	V.01	74,523,964,469	65,666,617,250
2	Các khoản tương đương tiền	112	V.02	38,000,000,000	55,000,000,000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		398,826,935,877	706,260,058,703
1	Phải thu khách hàng	131	V.03	263,362,877,178	574,768,992,989
2	Trả trước cho người bán	132	V.04	114,201,433,448	104,564,035,472
3	Các khoản phải thu khác	138	V.05	26,852,625,251	32,517,030,242
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(5,590,000,000)	(5,590,000,000)
IV	Hàng tồn kho	140		956,342,452,051	509,137,957,431
1	Hàng tồn kho	141	V.06	956,342,452,051	509,137,957,431
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		23,955,841,416	10,261,388,338
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	-	14,976,850
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.08	16,258,696,053	5,322,374,949
3	Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	152	V.09	890,560,277	49,002,740
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	6,806,585,086	4,875,033,799
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		678,574,367,779	542,792,445,858
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		232,001,040	232,001,040
II	Tài sản cố định	220		636,017,782,789	500,445,275,216
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	452,975,313,406	421,049,910,950
	- Nguyên giá	222		903,401,647,029	805,336,999,627
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(450,426,333,623)	(384,287,088,677)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	17,161,731,017	17,221,731,017
	- Nguyên giá	228		17,803,668,290	17,803,668,290
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(641,937,273)	(581,937,273)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	165,880,738,366	62,173,633,249
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		40,000,000,000	40,000,000,000
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2	Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	40,000,000,000	40,000,000,000
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V	Tài sản dài hạn khác	260		2,324,583,950	2,115,169,602
1	Tài sản dài hạn khác	268	V.15	2,324,583,950	2,115,169,602
VI	Lợi thế thương mại			-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,170,223,561,592	1,889,118,467,580

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		1,946,833,443,067	1,709,294,047,346
I	Nợ ngắn hạn	310		1,291,427,645,719	1,069,198,380,673
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	658,452,049,234	500,383,508,742
2	Phải trả người bán	312	V.17	294,952,277,380	211,709,339,129
3	Người mua trả tiền trước	313	V.18	253,249,525,598	255,944,446,138
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	11,041,422	21,680,217,394
5	Phải trả công nhân viên	315		44,746,247,837	52,949,221,870
6	Chi phí phải trả	316		-	-
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.20	38,371,274,319	25,364,981,425
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,645,229,929	1,166,665,975
II	Nợ dài hạn	330		655,405,797,348	640,095,666,673
1	Vay và nợ dài hạn	334	V.21	655,405,797,348	640,095,666,673
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400	V.22	189,122,813,206	160,006,883,137
I	Vốn chủ sở hữu	410		189,122,813,206	160,006,883,137
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		96,000,000,000	80,000,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		23,467,650,000	23,467,650,000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		10,449,146,977	10,449,146,977
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	417		28,357,321,332	22,414,583,606
6	Quỹ dự phòng tài chính	418		8,837,711,342	7,307,559,247
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		166,556,608	135,355,090
8	Lợi nhuận chưa phân phối	420		21,844,426,947	16,232,588,217
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		34,267,305,319	19,817,537,097
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		2,170,223,561,592	1,889,118,467,580

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Ngoại tệ các loại (USD)	005		6,609.18	3,884.28

Người lập

Kế toán trưởng

Quy Nhơn, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc

Lương Đăng Hào

Phạm Văn Nho

Nguyễn Lương Am



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.23	1,010,013,441,713	1,426,466,782,024
2	Các khoản giảm trừ	3	V.24	91,920,276	106,997,626
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.25	1,009,921,521,437	1,426,359,784,398
4	Giá vốn hàng bán	11	V.26	834,897,749,852	1,262,622,885,179
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		175,023,771,585	163,736,899,219
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.27	10,053,973,761	6,979,595,659
7	Chi phí tài chính	22	V.28	107,507,869,096	104,306,268,816
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		97,662,462,897	90,700,721,586
8	Chi phí bán hàng	24		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.29	40,764,532,633	38,846,878,854
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36,805,343,617	27,563,347,208
11	Thu nhập khác	31	V.30	624,411,286	779,896,872
12	Chi phí khác	32	V.31	59,690,068	124,639,780
13	Lợi nhuận khác	40		564,721,218	655,257,092
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37,370,064,835	28,218,604,300
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.32	6,488,230,143	6,563,743,197
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30,881,834,692	21,654,861,103
18	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		75,713,128	65,448,965
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		30,806,121,564	21,589,412,138
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3,687	2,699

Người lập

Kế toán trưởng

Quy Nhơn, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc





Lương Đăng Hào

Phạm Văn Nho

Nguyễn Lương Am

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		1.324.142.681.110	1.155.003.589.955
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(923.640.720.718)	(1.039.920.317.537)
3	Tiền chi trả cho người lao động	3		(270.027.718.522)	(229.698.878.612)
4	Tiền chi trả lãi vay	4		(97.596.868.930)	(91.140.501.862)
5	Tiền chi nộp thuế	5		(11.240.233.845)	(6.317.405.049)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		13.497.642.084	29.381.757.833
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(34.084.866.134)	(45.580.048.381)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.049.915.045	(228.271.803.653)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	9,10,11	(207.054.502.178)	(150.168.380.046)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.216.749.635	7.183.321.262
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(196.837.752.543)	(142.985.058.784)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		14.426.000.000	6.544.000.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		957.342.349.217	944.137.094.092
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(784.124.866.972)	(639.659.343.522)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	-	(16.000.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		187.643.482.245	295.021.750.570
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(8.144.355.253)	(76.235.111.867)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		120.666.617.250	196.900.661.170
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.702.472	1.067.947
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	112.523.964.469	120.666.617.250

Người lập

Lương Đăng Hào

Kế toán trưởng

Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc

 Nguyễn Lương An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 13 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 13 vào ngày 04/8/2014 với số mới là 4100258747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: 96.000.000.000 đồng (*Chín mươi sáu tỷ đồng chẵn*).

Cơ cấu vốn điều lệ:

- Vốn góp của các cổ đông : 96.000.000.000 VND <tương đương 100%>.

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Lĩnh vực hoạt động của Công ty:

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng; Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu; Đại tu xe, máy thi công; Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát; Đại lý dịch vụ internet; Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác; Đại lý thu đổi ngoại tệ; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Tổ chức hội nghị hội thảo; Dịch vụ quảng cáo. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; Tư vấn du học. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Cho thuê ô tô; Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Hoạt động dạy nghề; Kinh doanh và cho thuê bất động sản; Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

3. Danh sách công ty con được hợp nhất:

Tên	Địa chỉ
Công ty con: Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ	Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 76,35%	
Công ty con: Công ty CP thủy điện Văn Phong	Số 8, đường Biên Cương, P.Ngô Mây,
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 64,69%	TP.Quy Nhơn tỉnh Bình Định

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2009 sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức Sổ kế toán trên máy vi tính. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

3. Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính.

1. Ước tính kế toán:

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty Cổ phần Xây dựng 47 kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Cổ phần Xây dựng 47 có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Cổ phần Xây dựng 47 và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Trình tự và phương pháp hợp nhất:

Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty mẹ và công ty con;

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại (nếu có);

Phân bổ lợi thế thương mại;

Tách và trình bày lợi ích của cổ đông thiểu số thành chỉ tiêu riêng biệt;

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong toàn Tổng công ty;

Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ.

Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ;

Vốn đầu tư của công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con;

Lợi ích cổ đông thiểu số;

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

- ***Nguyên tắc xác định các khoản tiền:*** Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- ***Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:*** Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

5.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh để sản xuất hàng tồn kho cho từng bộ phận, từng công trình.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

5.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

5.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

7. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	08 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm	03 - 08 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản

thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

9. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

13. Các nghĩa vụ về thuế

Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm các năm trước và khoản khác được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen

thường hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị.

15. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phân lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu từ dịch vụ vận tải được xác định theo hợp đồng kinh tế, biên bản xác nhận dịch vụ hoàn thành, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể:

- Đối với các công trình cuối kỳ đã hoàn thành, bàn giao, doanh thu lũy kế đã hạch toán hết theo tổng giá trị nghiệm thu thanh toán thì giá vốn kết chuyển trong kỳ bằng toàn bộ chi phí lũy kế đã được ghi nhận (không còn chi phí dở dang).
- Đối với các công trình cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành nhưng chưa có quyết toán, thanh lý hợp đồng thì giá vốn trong kỳ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ + chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định căn cứ vào biên bản xác nhận dở dang của các đội với phòng kỹ thuật Công ty.
- Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất kho.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng, Trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp:

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

- Phương pháp lập chi phí bảo hành: Doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất trích bảo hành công trình xây lắp đã tiêu thụ trong năm và tiến hành lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Tổng mức trích lập dự phòng bảo hành của các công trình xây lắp theo quy định đã cam kết với khách hàng chiếm 2% trên tổng giá trị công trình.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát

sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán <Đơn vị tính: VND>

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	7,384,866,872	4,284,447,087
Cty CP Xây Dựng 47	7,064,437,194	3,990,822,982
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	154,376,698	238,106,298
Cty CP Thủy điện Văn Phong	166,052,980	55,517,807
Tiền gửi ngân hàng	67,139,097,597	61,382,170,163
Tiền Việt Nam	66,997,793,329	61,300,308,962
Cty CP Xây Dựng 47	65,428,608,003	59,474,212,585
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	64,087,119,925	59,373,676,427
- Ngân hàng Vietcombank Quy Nhơn	1,339,538,078	98,586,158
- Ngân hàng TMCP Công thương	1,950,000	1,950,000
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	1,142,987,269	760,479,053
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	879,779,092	1,473,040
- Ngân hàng NN PTNT Tây Sơn	263,208,177	759,006,013
Cty CP Thủy điện Văn Phong	426,198,057	1,065,617,324
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	426,198,057	1,065,617,324
Ngoại tệ (USD)	141,304,268	81,861,201
Cty CP Xây Dựng 47	141,304,268	81,861,201
- Ngân hàng BIDV - CN Bình Định	141,304,268	81,861,201
Cộng	74,523,964,469	65,666,617,250
2. Các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn Ngân hàng BIDV VN - CN Bình Định	38,000,000,000	55,000,000,000
Cộng	38,000,000,000	55,000,000,000
3. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng công ty	257,764,165,842	567,951,614,249
Khách sạn Hải Âu	3,212,554,336	3,758,262,740
Công trường Bình Đề	2,317,324,000	3,036,194,000
Trung tâm dạy nghề	66,370,000	18,300,000
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	2,463,000	4,622,000
Cty CP Thủy điện Văn Phong	-	-
Cộng	263,362,877,178	574,768,992,989
4. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Cty	44,680,233,267	77,399,496,403
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	52,002,500	17,242,211
Cty CP Thủy điện Văn Phong	69,469,197,681	27,147,296,858
Cộng	114,201,433,448	104,564,035,472

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng công ty	24,576,345,697	27,868,569,789
Công trường Bình Đê	48,440,000	26,040,000
Công trường Tân Mỹ	551,607,907	125,741,469
Công trường Tà Rục	-	585,910,000
Công trường Tiên Thuận	140,776,000	52,800,588
Công trường Sông Chu	279,185,473	-
Xây dựng Trụ sở Công ty	-	2,690,955,636
Khách sạn Hải Âu (Dư nợ TK 3388)	-	16,026,000
Cty CP Du Lịch Hàm Hồ	1,256,270,174	1,150,986,760
Cộng	26,852,625,251	32,517,030,242

* Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH CAVICO Việt Nam (Tạm ứng KLCT Tả Trạch)	(5,590,000,000)	(5,590,000,000)
Cộng	(5,590,000,000)	(5,590,000,000)

(Khoản trích lập dự phòng này là khoản tiền Công ty cổ phần xây dựng 47 tạm ứng cho Công ty TNHH CAVICO Việt Nam theo hợp đồng số 16 HĐ/KHKT ngày 08/7/2008 để thực hiện thi công gói thầu số 20 - Công trình hồ chứa nước Tả Trạch, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do không tiếp tục thực hiện được gói thầu này nữa nên Công ty cổ phần Xây dựng 47 yêu cầu Công ty CAVICO hoàn trả tiền đã tạm ứng. Hợp đồng này được Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD Hà Nội đồng ý bảo lãnh vô điều kiện theo thư bảo lãnh số 46622/MD0824200004 ngày 29/8/2008. Nhưng Ngân hàng TMCP Quân đội đã chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh kể từ thời điểm Công ty 47 chấp thuận đề nghị của Công ty CAVICO xin trả nợ làm 4 lần theo lãi suất Công ty 47 vay của Ngân hàng BIDV Bình Định, thời hạn chót là 25/3/2012. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty TNHH CAVICO Việt Nam vẫn chưa thanh toán cho Công ty 47).

6. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Cty CP Xây Dựng 47	956,137,137,461	509,011,586,864
Nguyên liệu, vật liệu	74,851,042,185	82,832,179,881
Công cụ, dụng cụ	202,683,421	141,439,809
Chi phí SX, KD dở dang	880,470,000,000	425,500,000,000
Hàng hóa	613,411,855	537,967,174
Cty CP Du Lịch Hàm Hồ	205,314,590	126,370,567
Nguyên liệu, vật liệu	82,222,650	19,942,978
Công cụ, dụng cụ	6,576,286	4,689,032
Hàng hóa	116,515,654	101,738,557
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	956,342,452,051	509,137,957,431

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

		Số cuối năm	Số đầu năm
7. Chi phí trả trước ngắn hạn			
Công cụ dụng cụ	-	14,976,850	
Cộng	-	14,976,850	
8. Thuế GTGT được khấu trừ		Số cuối năm	Số đầu năm
Cty CP Xây Dựng 47	12,599,478,588	-	
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	-	89,668,490	
Cty CP Thủy điện Văn Phong	3,659,217,465	5,232,706,459	
Cộng	16,258,696,053	5,322,374,949	
9. Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước		Số cuối năm	Số đầu năm
Cty CP Xây Dựng 47	884,893,980	37,166,827	
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	5,666,297	11,835,913	
Cộng	890,560,277	49,002,740	
10. Tài sản ngắn hạn khác <Tạm ứng>		Số cuối năm	Số đầu năm
Cty CP Xây Dựng 47	6,537,037,717	4,633,229,805	
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	768,662	-	
Cty CP Thủy điện Văn Phong	268,778,707	241,803,994	
Cộng	6,806,585,086	4,875,033,799	
11. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>			
12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2014	17,056,731,017	746,937,273	17,803,668,290
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2014	17,056,731,017	746,937,273	17,803,668,290
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2014	-	581,937,273	581,937,273
Khấu hao trong năm	-	60,000,000	60,000,000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2014	-	641,937,273	641,937,273
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 01/01/2014	17,056,731,017	165,000,000	17,221,731,017
Số dư tại ngày 31/12/2014	17,056,731,017	105,000,000	17,161,731,017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

Công ty cp Xây dựng 47: Quyền sử dụng đất diện tích 488,5 m² tại địa chỉ 4/7 đường số 3, KP5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh không xác định thời hạn nên không trích khấu Công ty CP Du lịch Hàm Hô: Giá trị quyền sử dụng đất lâu năm tại Tây Phú, Sơn Tây không xác định thời hạn nên cũng không trích khấu hao.

13. Chi phí XDCB dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Cty CP Xây Dựng 47	83,761,288,698	31,367,428,912
Trụ sở công ty (Số 8 Biên Cương)	47,780,580,329	11,559,116,813
Kho xưởng Phước An	25,430,572,669	15,756,414,988
Nhà hàng Định Bình	5,425,595,356	4,019,532,659
Dự án 105 Tây Sơn	4,715,653,083	32,364,452
Dự án khu sinh thái hồ định bình	408,887,261	-
Cty CP Thủy điện Văn Phong	82,119,449,668	30,806,204,337
Cộng	165,880,738,366	62,173,633,249

14. Đầu tư dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn <8% vốn điều lệ> (1)	26,800,000,000	26,800,000,000
Công ty CP Thủy điện Định Bình <16,04% vốn điều lệ> (2)	13,200,000,000	13,200,000,000
Cộng	40,000,000,000	40,000,000,000

(1). Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4101309994 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 05 năm 2009. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký là 335.000.000.000 đồng Việt Nam. Hoạt động chính theo Giấy phép hoạt động của Công ty là xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu về thiết kế, xây dựng và mua sắm thiết bị điện.... Trụ sở tại số 79, khối 8, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

(2). Công ty cổ phần Thủy điện Định Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4100541602 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 25 tháng 10 năm 2004. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký là 82.300.000.000 đồng Việt Nam. Hoạt động chính theo Giấy phép hoạt động của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện, lắp đặt hệ thống điện, xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác...

Trụ sở tại Lô 28,29,30 đường Điện Biên Phủ, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

15. Tài sản dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Cty CP Xây Dựng 47	1,596,859,330	1,452,784,252
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1,596,859,330	1,452,784,252
Ký quỹ XNK lao động	1,160,501,286	1,016,426,208
Ký quỹ môi trường	436,358,044	436,358,044
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	727,724,620	662,385,350

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

Cộng	2,324,583,950	2,115,169,602
16. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định (*)	657,825,869,061	499,973,969,536
Vay các đối tượng khác	626,180,173	409,539,206
Cộng	658,452,049,234	500,383,508,742

(*). Khoản vay ngắn hạn VND của ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Bình Định căn cứ:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 29/03/2013, số tiền vay 167 tỷ đồng, mục đích vay: đầu tư TB phục vụ thi công Thủy điện Trung Sơn, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất nhận nợ theo từng lần giải ngân, tài sản đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 29/06/2013, số tiền vay 610 tỷ đồng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 1/7/2013 - 30/6/2014, lãi suất nhận nợ theo từng lần giải ngân, tài sản đảm bảo: theo quy định tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐTD-C47 ngày 12/11/2013, số tiền vay 200 tỷ đồng, mục đích vay: bù đắp nguồn vốn ngắn hạn đã đầu tư vào tài sản dài hạn để cơ cấu tài chính cho doanh nghiệp, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất nhận nợ theo từng lần giải ngân, tài sản đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2014/300495/HĐTD ngày 30/06/2014, số tiền vay 1.936 tỷ đồng trong đó: vay ngắn hạn và mở L/C: 536 tỷ đồng, bảo lãnh: 1.400 tỷ đồng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, L/C (nếu có), bảo lãnh, thời hạn cấp hạn mức 1/7/2014 đến 30/06/2015, tài sản đảm bảo: theo các biện pháp đảm bảo được ký kết giữa hai bên và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo.

(Chi tiết các khoản vay ngắn hạn xem thêm tại Phụ lục số 04)

17. Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Cty	281,158,543,446	199,861,131,151
Khách sạn Hải Âu	2,145,160,687	2,204,279,013
Công trường Bình Đề	129,326,000	184,275,000
Công trường Serepok 4A	-	729,559,820
Xây dựng khách sạn Hải Âu	26,960,400	-
Công trường Sông Bung 4	307,329,000	-
Công trường Thượng Kon Tum	7,088,520,000	7,274,520,000
Công trường Trung Sơn	1,185,457,117	614,481,639
Cty CP Du Lịch Hầm Hô	103,657,454	207,699,478
Cty CP Thủy điện Văn Phong	2,807,323,276	633,393,028
Cộng	294,952,277,380	211,709,339,129

18. Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Cty CP Xây dựng 47	253,248,188,598	255,944,446,138
Công ty xây dựng thủy lợi 24	127,880,000	127,880,000
Công trình Hà Nhe	1,240,000	1,240,000
Công trình Hồ Định Bình	1,129,191,000	2,064,945,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

Công trình Sông Trâu	96,088,205	96,088,205
Công trình Đắc Pring	3,382,422,000	-
Công trình Krông Buk	37,156,473	-
Công trình Trung Sơn	234,138,413,381	218,089,398,266
Công trình NMTD Định Bình	-	821,721,000
Công trình Trà Co	-	727,754,700
Công trình Dương Thiện	2,822,000	2,822,000
Công trình Trung tâm hội nghị	-	5,228,334,673
Công trình A Roàng	205,559,818	4,542,286,000
Công trình Sông Bung 2	-	6,900,988,294
Công trình Sông Chu	14,127,415,721	17,340,988,000
Cty CP Du Lịch Hàm Hồ	1,337,000	-
Cộng	253,249,525,598	255,944,446,138

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cty CP Xây Dựng 47</i>	<i>6,101,225</i>	<i>21,678,166,021</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	17,755,913,515
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3,913,141,315
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6,101,225	9,111,191
<i>Cty CP Du Lịch Hàm Hồ</i>	<i>4,940,197</i>	<i>285,232</i>
Thuế giá trị gia tăng	2,940,197	285,232
Các loại thuế khác	2,000,000	-
<i>Cty CP Thủy điện Văn Phong</i>	<i>-</i>	<i>1,766,141</i>
Cộng	11,041,422	21,680,217,394

20 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	3,563,218,727	2,415,367,727
Bảo hiểm xã hội	1,825,753,800	-
Bảo hiểm thất nghiệp	129,127,521	-
Phải trả về cổ phần hóa	130,705,324	530,346,824
Phải trả khác:	32,613,417,293	22,001,989,268
<i>Văn phòng cty</i>	<i>3,170,766,526</i>	<i>4,127,886,900</i>
<i>Xây dựng xưởng Phước An</i>	<i>72,600</i>	<i>109,760,456</i>
<i>Khách sạn Hải Á</i>	<i>1,647,937,407</i>	<i>463,934,356</i>
<i>Trung tâm dạy nghề</i>	<i>1,134,900</i>	<i>-</i>
<i>Công trường Tiên Thuận</i>	<i>-</i>	<i>2,192,600</i>
<i>Công trường Sông Chu</i>	<i>804,202,000</i>	<i>-</i>
<i>Văn phòng Cty (Dư có TK 1388)</i>	<i>26,989,303,860</i>	<i>17,298,214,956</i>
Cty CP Du Lịch Hàm Hồ	107,447,500	57,277,606
Cty CP Thủy điện Văn Phong	1,604,154	360,000,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

Cộng	38,371,274,319	25,364,981,425
21. Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn</i>	<i>405,405,797,348</i>	<i>390,095,666,673</i>
<i>Cty CP Xây Dựng 47</i>	<i>342,268,981,936</i>	<i>373,783,205,670</i>
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (VND) (1)	342,268,981,936	373,087,730,670
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (USD)	-	695,475,000
<i>Cty CP Du Lịch Hầm Hô</i>	<i>1,043,032,000</i>	<i>1,303,032,000</i>
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (VND) (2)	1,043,032,000	1,303,032,000
<i>Cty CP Thủy điện Văn Phong</i>	<i>62,093,783,412</i>	<i>15,009,429,003</i>
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (VND) (3)	62,093,783,412	15,009,429,003
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>250,000,000,000</i>	<i>250,000,000,000</i>
Công ty CP Thủy điện Trung Sơn	250,000,000,000	250,000,000,000
Cộng	655,405,797,348	640,095,666,673

(1) Khoản vay dài hạn VND của Công ty CP Xây dựng 47 với Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định căn cứ các Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTD/01/300945 ngày 19/05/2009; Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ/01/300945 ngày 18/09/2012. Thời hạn vay 40 tháng. Lãi suất vay 15%/năm. Mục đích vay để mua sắm thiết bị máy móc phục vụ thi công. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 02/2014/HĐTD ngày 31/07/2014 vay của Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định số tiền vay 61 tỷ đồng, mục đích vay: thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ thuộc Dự án xây Trụ sở Văn phòng công ty, thời hạn vay 8 năm. Lãi suất hiện tại 12%/năm và thay đổi theo từng lần giải ngân, tài sản đảm bảo: toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của Dự án. (Chi tiết các khoản vay dài hạn Ngân hàng BIDV xem thêm tại Phụ lục số 05).

(2) Khoản vay dài hạn của Công ty cổ phần Hầm Hô với Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bình Định tại hợp đồng số 01/2012 ngày 22 tháng 10 năm 2012 theo đó:

Tổng số tiền vay là: 2.350.000.000 đ(Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

Thời hạn vay là: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.

Lãi suất cho vay áp dụng thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần trong một năm và được ngân hàng thông báo bằng văn bản. Tại thời điểm hiện tại lãi suất cho vay là 15%/ năm.

Thời hạn trả nợ gốc và lãi vay theo thông báo của ngân hàng.

Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay.

(3) Khoản vay giữa công ty Cổ phần Văn Phong và ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi Nhánh Bình Định theo hợp đồng vay số 01/2013 ngày 08 tháng 07 năm 2013 theo đó:

Tổng số tiền vay là: 86.000.000.000 đ(tám mươi sáu tỷ đồng).

Mục đích vay: Thanh toán chi phí dự án thủy điện Văn Phong.

Thời hạn vay: 84 tháng(thời gian ân hạn 18 tháng) kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.

Lãi suất áp dụng đối với số tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 13%/ năm. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Trả nợ gốc vay: Bên vay sẽ trả nợ gốc định kỳ 3 tháng/lần. Lãi vay được bên vay trả định kỳ vào ngày cuối mỗi tháng. Hình thức đảm bảo tiền vay gồm : Tài sản hình thành từ vốn vay Ngân hàng và vốn tự có của bên vay để đầu tư nhà máy thủy điện Văn Phong. Thế chấp cầm cố toàn bộ tài sản của Bên vay theo các hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐ-TSTL được lập ngày 08 tháng 07 năm 2013. Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng. Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại phụ lục số 02>

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước <đầu năm chiếm 25,96%>	-	20,764,270,000
Vốn góp của các đối tượng khác <cuối năm chiếm 100%>	96,000,000,000	59,235,730,000
Cộng	96,000,000,000	80,000,000,000

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80,000,000,000	80,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	16,000,000,000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	96,000,000,000	80,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (năm 2014 trả cổ tức bằng cổ phiếu)	16,000,000,000	16,000,000,000

22.4 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	9,600,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	9,600,000	8,000,000
Cổ phiếu phổ thông:	9,600,000	8,000,000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	9,600,000	8,000,000
Cổ phiếu phổ thông:	9,600,000	8,000,000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

22.5 Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	28,357,321,332	22,414,583,606
Quỹ dự phòng tài chính	8,837,711,342	7,307,559,247
Cộng	37,195,032,674	29,722,142,853

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

23. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Xây dựng 47	1,005,744,520,240	1,423,041,515,513
Doanh thu bán hàng	7,497,942,010	5,410,136,216
Doanh thu thi công xây lắp chính	869,652,440,953	1,293,660,958,712
Dịch vụ khách sạn du lịch	74,932,991,235	71,162,424,269

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

Doanh thu nhượng bán vật tư	43,788,105,265	43,628,165,981
Doanh thu cho thuê tài sản	32,727,273	5,317,454,545
Dịch vụ thí nghiệm	-	74,930,262
Doanh thu khác	9,840,313,504	3,787,445,528
Công ty cổ phần Du lịch Hàm Hô	4,268,921,473	3,425,266,511
Cộng	1,010,013,441,713	1,426,466,782,024

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

Thuế tiêu thụ đặc biệt của Khách sạn Hải Âu

Cộng

Năm nay	Năm trước
91,920,276	106,997,626
91,920,276	106,997,626

25. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty cổ phần xây dựng 47

Doanh thu bán hàng

Doanh thu thi công xây lắp chính

Doanh thu dịch vụ khách sạn du lịch

Doanh thu nhượng bán vật tư

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu dịch vụ thí nghiệm

Doanh thu khác

Công ty cổ phần Du lịch Hàm Hô

Cộng

Năm nay	Năm trước
1,005,652,599,964	1,422,934,517,887
7,497,942,010	5,410,136,216
869,652,440,953	1,293,660,958,712
74,841,070,959	71,055,426,643
43,788,105,265	43,628,165,981
32,727,273	5,317,454,545
-	74,930,262
9,840,313,504	3,787,445,528
4,268,921,473	3,425,266,511
1,009,921,521,437	1,426,359,784,398

26. Giá vốn bán hàng

Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Giá vốn bán hàng

Giá vốn thi công xây lắp chính

Giá vốn Dịch vụ KS Du lịch

Giá vốn nhượng bán vật tư

Giá vốn hàng bán khác

Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô

Cộng

Năm nay	Năm trước
831,830,542,041	1,260,288,579,875
6,752,525,677	4,766,583,747
722,455,326,623	1,151,653,710,054
64,923,310,085	64,733,049,584
37,699,379,656	39,051,584,775
-	83,651,715
3,067,207,811	2,334,305,304
834,897,749,852	1,262,622,885,179

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i>	<i>9,997,781,774</i>	<i>6,909,940,076</i>
Lãi góp vốn từ Cty CP Thủy điện Định Bình	3,630,000,000	1,742,400,000
Lãi tiền gửi ngân hàng	2,346,079,302	5,166,000,694
Lãi góp vốn Cty CP Thủy điện Buôn Đôn	4,020,000,000	-
Chênh lệch tỷ giá	1,702,472	1,539,382
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hô</i>	<i>56,191,987</i>	<i>69,655,583</i>
Cộng	10,053,973,761	6,979,595,659

28. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i>	<i>107,374,044,486</i>	<i>104,113,618,597</i>
Chi phí lãi vay	97,528,638,287	90,508,071,367
Phí bảo lãnh thực hiện các công trình	9,845,406,199	13,379,182,753
Chênh lệch tỷ giá	-	226,364,477
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hô</i>	<i>133,824,610</i>	<i>192,650,219</i>
Cộng	107,507,869,096	104,306,268,816

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần Xây dựng 47</i>	<i>39,986,548,972</i>	<i>38,195,967,353</i>
Chi phí nhân viên quản lý	9,990,987,000	8,018,651,000
Chi phí vật liệu quản lý	5,967,638,790	7,725,759,030
Chi phí đồ dùng văn phòng	128,148,628	360,398,876
Chi phí khấu hao TSCĐ	194,800,000	194,800,000
Thuế, phí, lệ phí	78,852,638	1,190,450,888
Chi phí dự phòng	-	5,590,000,000
Chi phí bằng tiền khác	23,626,121,916	15,115,907,559
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hô</i>	<i>777,983,661</i>	<i>650,911,501</i>
Cộng	40,764,532,633	38,846,878,854

30. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bảo hiểm xe	479,399,989	64,065,780
Xử lý tài sản thừa tại các công trình	145,011,297	-
Thu nhập khác	-	715,831,092
Cộng	624,411,286	779,896,872

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014
(tiếp theo)

31. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Tiền bồi thường xe	-	22,065,780
Chi phí khác	59,690,068	102,574,000
Cộng	59,690,068	124,639,780
32. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	6,488,230,143	6,563,743,197
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này.	-	-
33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	1,326,281,998,931	1,329,756,735,684
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	634,891,769,749	680,843,373,151
Chi phí nhân công	271,740,004,552	259,169,375,028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68,554,822,364	48,279,757,951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	285,555,496,486	291,159,970,777
Chi phí khác bằng tiền	65,539,905,780	50,304,258,777
Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hô	2,364,075,468	2,079,643,230
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	620,004,286	520,517,524
Chi phí nhân công	969,713,095	876,657,592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	494,192,000	366,988,953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115,983,544	98,240,791
Chi phí khác bằng tiền	164,182,543	217,238,370
Cộng	1,328,646,074,399	1,331,836,378,914

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

* Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác (MS01)	1,324,142,681,110
Thu nợ cũ	324,355,722,376
Thu tiền bán hàng trong năm	999,786,958,734
* Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ (MS02)	923,640,720,718
Trả cho người cung cấp hàng hóa	853,683,878,534
Trả cho người cung cấp dịch vụ	69,956,842,184
* Tiền chi trả lãi vay (MS04)	97,596,868,930
Tổng lãi vay phải trả	97,662,462,897
Trong đó: Lãi vay trong kỳ	97,662,462,897

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

Lãi vay được vốn hóa	-
Số đã trả	97,596,868,930
Số còn phải trả	-
* Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (MS21)	207,054,502,178
Chi mua kỳ trước	42,698,320,072
Chi mua kỳ này	164,356,182,106
* Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được (MS33)	957,342,349,217
Tiền vay ngắn hạn	852,045,193,698
Tiền vay dài hạn	105,297,155,519
* Tiền chi trả nợ gốc vay (MS34)	784,124,866,972
Trả vay ngắn hạn	694,137,842,128
Trả vay dài hạn	89,987,024,844
* Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (MS36)	16,000,000,000
Phân phối trong năm	-
Cổ tức cho cổ đông Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	16,000,000,000

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ	Công ty con
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	Công ty con

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: đồng	Số tiền <đồng>
Góp vốn			
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	Góp vốn bằng tiền đợt 4		29,790,000,000
Cổ tức và lợi nhuận được chia		Năm nay	
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ	Nhận cổ tức bằng tiền		180,724,540

Thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập	Ghi chú
Nguyễn Lương Am	CT HĐQT - Tổng Giám đốc	807,206,000	
Lê Văn Đồng	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	564,548,000	
Phạm Văn Nho	TV HĐQT - Kế toán trưởng	352,433,000	
Đinh Tấn Dương	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	477,166,000	
Nguyễn Văn Tôn	PCT HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	510,492,000	
Huỳnh Khế	Trưởng ban kiểm soát	262,208,000	
Dương Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc	402,962,000	
Vũ Xuân Chính	Phó Tổng Giám đốc	406,666,000	
Nguyễn Đức Thái	Phó Tổng Giám đốc	359,725,019	
Tổng cộng		4,143,406,019	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

*** Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Thi công xây lắp chính
- Dịch vụ khách sạn du lịch
- Nhượng bán vật tư, khai thác đá
- Hoạt động khác bao gồm: Cho thuê tài sản, thí nghiệm, xây lắp phụ, trung tâm dạy nghề, xuất khẩu lao động.

Thông tin về kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Thi công xây lắp chính	Dịch vụ K.sạn du lịch	Các lĩnh vực khác	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	869,652,440,953	79,201,912,708	61,159,088,052	1,010,013,441,713
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	91,920,276	-	91,920,276
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	869,652,440,953	79,109,992,432	61,159,088,052	1,009,921,521,437
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	147,197,114,330	11,119,474,536	16,707,182,719	175,023,771,585
Các khoản chi phí không phân bổ theo bộ phận				(40,764,532,633)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				134,259,238,952
Doanh thu hoạt động tài chính				10,053,973,761
Chi phí tài chính				(107,507,869,096)
Thu nhập khác				624,411,286
Chi phí khác				(59,690,068)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(6,488,230,143)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				30,881,834,692

*** Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 của Công ty cổ phần Xây dựng 47 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động tiếp theo.

5. Những thông tin khác

5.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30,806,121,564	21,589,412,138
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	8,355,555	8,000,000
Lãi trên cổ phiếu	3,687	2,699

5.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	112,523,964,469	120,666,617,250
Phải thu khách hàng và phải thu khác	284,625,502,429	607,286,023,231
Tài sản tài chính khác	40,000,000,000	40,000,000,000

Công cụ tài chính

Vay ngắn hạn, dài hạn	1,063,857,846,582	890,479,175,415
Phải trả khách hàng và phải trả khác	333,323,551,699	237,074,320,554
Công nợ tài chính khác	250,000,000,000	250,000,000,000

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do việc mua bán hàng hóa dịch vụ được thực hiện bằng tiền Việt Nam đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với Ngân hàng BIDV chi nhánh Bình Định và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi các khoản phải thu chủ yếu từ khách hàng là Ban quản lý dự án thuộc Ngân sách Nhà nước.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay ngắn hạn	658,452,049,234	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	333,323,551,699	-
Vay dài hạn	-	405,405,797,348
Công nợ khác	-	250,000,000,000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tài sản đảm bảo:

Trong kỳ Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vay vốn ngân hàng, cụ thể:

- Các khoản vay ngân hàng BIDV - chi nhánh Bình Định ngắn hạn, dài hạn để sử dụng vào việc mua máy móc thiết bị phục vụ thi công và bổ sung vốn lưu động để thực hiện sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, TSCĐ hoặc các khoản phải thu khách hàng tương ứng với số dư nợ tại thời điểm vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(tiếp theo)

5.3 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	68.73	71.27
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	31.27	28.73
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	89.71	90.48
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	8.71	8.47
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1.11	1.11
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1.16	1.26
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.09	0.11
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3.70	1.98
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	3.05	1.51
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	1.72	1.49
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1.42	1.14
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	32.09	26.99

5.4 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Quy Nhơn, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Lương Đăng Hào



Phạm Văn Nho



Nguyễn Lương Am

Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình hợp nhất

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ						
1. Số dư tại ngày 01/01/2014	79,519,791,167	503,135,568,247	206,887,562,313	12,223,709,943	3,570,367,957	805,336,999,627
2. Số tăng trong năm	1,192,452,000	91,029,390,273	8,197,369,092	750,005,455	-	101,169,216,820
- Mua sắm mới	-	91,029,390,273	8,197,369,092	750,005,455	-	99,976,764,820
- Xây dựng mới	1,192,452,000	-	-	-	-	1,192,452,000
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	3,104,569,418	-	-	-	-	3,104,569,418
- Thanh lý	3,104,569,418	-	-	-	-	3,104,569,418
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 31/12/2014	77,607,673,749	594,164,958,520	215,084,931,405	12,973,715,398	3,570,367,957	903,401,647,029
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư tại ngày 01/01/2014	16,827,642,559	257,849,279,018	101,240,134,003	7,413,610,097	956,423,000	384,287,088,677
2. Khấu hao trong năm	1,792,603,105	47,305,616,205	18,844,580,328	1,125,380,059	175,634,667	69,243,814,364
- Trích trong năm	1,792,603,105	47,305,616,205	18,844,580,328	1,125,380,059	175,634,667	69,243,814,364
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	3,104,569,418	-	-	-	-	3,104,569,418
- Thanh lý	3,104,569,418	-	-	-	-	3,104,569,418
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 31/12/2014	15,515,676,246	305,154,895,223	120,084,714,331	8,538,990,156	1,132,057,667	450,426,333,623
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày 01/01/2014	62,692,148,608	245,286,289,229	105,647,428,310	4,810,099,846	2,613,944,957	421,049,910,950
2. Tại ngày 31/12/2014	62,091,997,503	289,010,063,297	95,000,217,074	4,434,725,242	2,438,310,290	452,975,313,406

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

929,605,983,764

107,169,197,754

Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước									
1. Số dư đầu năm	80,000,000,000	23,467,650,000	10,449,146,977	-	18,992,768,338	6,228,569,510	89,358,729	16,290,408,435	155,517,901,989
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	21,654,861,103	21,654,861,103
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	3,421,815,268	1,078,989,737	-	-	4,500,805,005
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	45,996,361	-	45,996,361
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	16,000,000,000	16,000,000,000
- Giảm khác:	-	-	-	-	-	-	-	5,712,681,321	5,712,681,321
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	3,421,815,268	3,421,815,268
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	1,078,989,737	1,078,989,737
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	1,078,989,736	1,078,989,736
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	132,886,580	132,886,580
2. Số dư cuối năm	80,000,000,000	23,467,650,000	10,449,146,977	-	22,414,583,606	7,307,559,247	135,355,090	16,232,588,217	160,006,883,137
Năm nay									
1. Số dư ngày 01/01/2014	80,000,000,000	23,467,650,000	10,449,146,977	-	22,414,583,606	7,307,559,247	135,355,090	16,232,588,217	160,006,883,137
- Tăng vốn trong năm nay	16,000,000,000	-	-	-	-	-	-	-	16,000,000,000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	30,881,834,692	30,881,834,692
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	5,942,737,726	1,530,152,095	31,201,518	-	7,504,091,339
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	16,000,000,000	16,000,000,000
- Giảm khác:	-	-	-	-	-	-	-	9,269,995,961	9,269,995,961
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	5,942,737,726	5,942,737,726
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	1,530,152,095	1,530,152,095
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	1,530,152,095	1,530,152,095
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	266,954,045	266,954,045
2. Số dư ngày 31/12/2014	96,000,000,000	23,467,650,000	10,449,146,977	-	28,357,321,332	8,837,711,342	166,556,608	21,844,426,947	189,122,813,206

Công ty cổ phần xây dựng 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 03: Bảng xác định lợi ích của cổ đông thiểu số

TT	Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Công ty Cổ phần XD 47	Lợi ích của cổ đông thiểu số
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	100,000,000,000	65,860,000,000	34,140,000,000
2	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	218,148,799	166,556,608	51,592,191
3	Lợi nhuận chưa phân phối	320,140,075	244,426,947	75,713,128
	Cộng	100,538,288,874	66,270,983,555	34,267,305,319

Phụ lục số 04: Bảng kê chi tiết vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV Bình Định

Đơn vị tính: đồng

Số kế ước	Số tiền	Lãi suất	Ngày Vay	Ngày trả
58,082,000,494,080	5,462,061,868	8,5%/năm	17/02/2014	19/01/2015
58,082,000,449,099	1,901,121,447	8,5%/năm	17/02/2014	19/01/2015
58,082,000,494,859	6,959,715,620	8,5%/năm	24/02/2014	26/01/2015
58,082,000,494,191	8,580,169,361	8,5%/năm	18/03/2014	24/02/2015
58,082,000,499,207	4,300,000,000	8,5%/năm	18/03/2014	24/02/2015
58,082,000,499,872	8,480,000,000	8,5%/năm	21/03/2014	24/02/2015
58,082,000,499,906	6,989,418,405	8,5%/năm	21/03/2014	24/02/2015
58,082,000,499,933	7,793,691,724	8,5%/năm	21/03/2014	24/02/2015
58,082,000,500,464	4,286,976,426	8,5%/năm	25/03/2014	25/02/2015
58,082,000,501,801	6,159,004,046	8,5%/năm	31/03/2014	27/02/2015
58,082,000,502,044	400,000,000	9%/năm	1/4/2014	02/03/2015
58,082,000,502,594	6,368,776,927	9%/năm	03/04/2014	03/03/2015
58,082,000,502,600	5,800,000,000	9%/năm	03/04/2014	03/03/2015
58,082,000,502,947	5,723,861,223	9%/năm	07/04/2014	09/03/2015
58,082,000,503,180	800,000,000	9%/năm	07/04/2014	09/03/2015
58,082,000,504,387	1,200,000,000	9%/năm	15/04/2014	16/03/2015
58,082,000,504,721	4,432,312,862	9%/năm	16/04/2014	16/03/2015
58,082,000,506,550	9,999,553,423	9%/năm	25/04/2014	25/03/2015
58,082,000,507,128	4,544,783,883	9%/năm	29/04/2014	30/03/2015
58,082,000,507,137	5,385,414,600	9%/năm	29/04/2014	30/03/2015
58,082,000,507,289	5,742,000,000	9%/năm	29/04/2014	30/03/2015
58,082,000,507,827	2,020,190,000	8,5%/năm	06/05/2014	06/04/2015
58,082,000,508,051	5,302,727,037	8,5%/năm	06/05/2014	06/04/2015
58,082,000,508,167	9,259,640,511	8,5%/năm	07/05/2014	07/04/2015
58,082,000,508,307	10,085,923,608	8,5%/năm	08/05/2014	08/04/2015
58,082,000,509,133	11,317,729,080	8,5%/năm	13/05/2014	13/04/2015
58,082,000,510,773	2,356,971,048	8,5%/năm	21/05/2014	21/04/2015
58,082,000,510,782	7,005,852,613	8,5%/năm	21/05/2014	21/04/2015
58,082,000,511,022	7,076,833,799	8,5%/năm	22/05/2014	22/04/2015
58,082,000,511,031	3,318,304,520	8,5%/năm	22/05/2014	22/04/2015
58,082,000,511,998	3,118,121,785	8,5%/năm	29/05/2014	29/04/2015
58,082,000,512,672	1,495,721,508	8,5%/năm	03/06/2014	04/05/2015
58,082,000,513,295	8,215,845,799	8,5%/năm	06/06/2014	06/05/2015
58,082,000,513,301	6,000,000,000	8,5%/năm	06/06/2014	06/05/2015
58,082,000,513,435	6,000,000,000	8,5%/năm	09/06/2014	11/05/2015
58,082,000,513,444	4,000,000,000	8,5%/năm	09/06/2014	11/05/2015
58,082,000,513,745	6,802,557,326	8,5%/năm	10/06/2014	11/05/2015
58,082,000,513,781	6,917,107,776	8,5%/năm	10/06/2014	11/05/2015
58,082,000,518,157	7,421,133,850	9%/năm	04/07/2014	04/06/2015
58,082,000,518,166	7,066,921,200	9%/năm	04/07/2014	04/06/2015
58,082,000,519,585	7,458,329,975	9%/năm	14/07/2014	15/06/2015
58,082,000,519,965	2,930,317,500	9%/năm	16/07/2014	17/06/2015
58,082,000,520,231	7,539,153,866	9%/năm	17/07/2014	17/06/2015
58,082,000,520,453	7,580,332,958	9%/năm	18/07/2014	18/06/2015

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Cho năm tài chính

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 04: Bảng kê chi tiết vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV Bình Định

Đơn vị tính: đồng

Số kế ước	Số tiền	Lãi suất	Ngày Vay	Ngày trả
58,082,000,520,471	6,844,237,415	9%/năm	18/07/2014	18/06/2015
58,082,000,520,763	6,458,763,099	9%/năm	21/07/2014	22/06/2015
58,082,000,524,419	7,717,444,739	8,5%/năm	13/08/2014	13/07/2015
58,082,000,524,640	5,078,586,407	8,5%/năm	14/08/2014	14/07/2015
58,082,000,525,014	5,036,111,890	8,5%/năm	15/08/2014	15/07/2015
58,082,000,525,953	4,318,670,535	8,5%/năm	22/08/2014	22/07/2015
58,082,000,526,318	5,520,000,000	8,5%/năm	25/08/2014	27/07/2015
58,082,000,526,655	6,009,817,788	8,5%/năm	27/08/2014	27/07/2015
58,082,000,526,664	6,725,106,391	8,5%/năm	27/08/2014	27/07/2015
58,082,000,526,877	3,209,469,282	8,5%/năm	27/08/2014	27/07/2015
58,082,000,526,886	8,500,000,000	8,5%/năm	27/08/2014	27/07/2015
58,082,000,526,895	5,200,000,000	8,5%/năm	27/08/2014	27/07/2015
58,082,000,526,901	6,700,000,000	8,5%/năm	27/08/2014	27/07/2015
58,082,000,528,776	30,025,618,176	8,5%/năm	09/09/2014	10/08/2015
58,082,000,530,267	5,879,530,652	8,5%/năm	18/09/2014	18/08/2015
58,082,000,532,713	28,465,535,788	8,5%/năm	30/9/2014	31/08/2015
58,082,000,532,722	15,547,400,201	8,5%/năm	30/9/2014	31/08/2015
58,082,000,533,761	6,743,294,240	9%/năm	07/10/2014	07/09/2015
58,082,000,535,031	3,935,527,293	9%/năm	14/10/2014	14/09/2015
58,082,000,535,192	3,602,154,607	9%/năm	14/10/2014	14/09/2015
58,082,000,535,794	12,492,457,000	9%/năm	17/10/2014	17/09/2015
58,082,000,536,122	15,000,000,000	9%/năm	21/10/2014	21/09/2015
58,082,000,536,618	10,930,083,927	8,5%/năm	22/10/2014	22/09/2015
58,082,000,536,858	11,853,156,415	8,5%/năm	23/10/2014	23/09/2015
58,082,000,537,930	15,756,665,740	8,5%/năm	29/10/2014	29/09/2015
58,082,000,538,678	10,279,500,000	8,5%/năm	03/11/2014	05/10/2015
58,082,000,538,915	10,383,786,563	8,5%/năm	04/11/2014	05/10/2015
58,082,000,539,963	7,425,535,946	8,5%/năm	10/11/2014	12/10/2015
58,082,000,543,140	5,363,371,315	8,5%/năm	28/11/2014	28/10/2015
58,082,000,543,380	9,767,755,792	8,5%/năm	28/11/2014	28/10/2015
58,082,000,543,733	17,705,065,676	8,5%/năm	02/12/2014	02/11/2015
58,082,000,544,693	11,219,588,700	8,5%/năm	08/12/2014	09/11/2015
58,082,000,545,128	11,708,399,279	8,5%/năm	09/12/2014	09/11/2015
58,082,000,546,316	4,398,859,400	8,5%/năm	17/12/2014	17/11/2015
58,082,000,546,635	13,737,582,020	8,5%/năm	19/12/2014	19/11/2015
58,082,000,546,990	13201618857	8,5%/năm	22/12/2014	23/11/2015
58,082,000,547,416	23,136,757,201	8,5%/năm	24/12/2014	24/11/2015
58,082,000,547,586	7,752,567,600	8,5%/năm	25/12/2014	25/11/2015
58,082,000,547,878	9,815,406,577	8,5%/năm	26/12/2014	26/11/2015
58,082,000,548,525	3,715,847,242	8,5%/năm	29/12/2014	30/11/2015
58,082,000,548,534	9,066,017,734	8,5%/năm	29/12/2014	30/11/2015
Tổng cộng	657,825,869,061			

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 05: Bảng kê chi tiết các khoản vay dài hạn Ngân hàng BIDV Bình Định**VAY DÀI HẠN VND**

Ngày Vay	Số kế ước	Lãi suất	Số tiền	Ngày trả kỳ tới		Ghi chú
13/01/2010	58,082,000,238,969	11,5%/năm	2,291,338,100	13/01/2015	-	
04/03/2011	58,082,000,304,444	11,5%/năm	35,326,416,660	04/09/2016	-	
25/09/2012	58,082,000,407,422	11,5%/năm	5,700,000,000	25/01/2016	-	
05/04/2013	58,082,000,439,647	11,5%/năm	118,742,772,565	05/04/2018	-	
19/11/2013	58,082,000,479,980	11,5%/năm	160,000,000,000	19/11/2018	-	
15/08/2014	58,082,000,524,969	11,5%/năm	20,208,454,611	15/08/2022	-	
	Tổng cộng		342,268,981,936		-	